

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thông tin Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006 và ngày 30 tháng 3 năm 2007, ngày 4 tháng 11 năm 2008.

**Hội đồng Quản trị**

|                       |  |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Vĩnh Thọ   | Chủ tịch<br>(từ ngày 20 tháng 5 năm 2008)  |
| Ông Nguyễn Quang Tiên | Chủ tịch<br>(đến ngày 3 tháng 5 năm 2008)  |
| Ông Tê Trí Dũng       | Thành viên<br>(từ ngày 3 tháng 5 năm 2008) |
| Bà Hoàng Thị Thảo     | Thành viên                                 |
| Ông Lê Điền           | Thành viên                                 |
| Ông Nguyễn Bình Minh  | Thành viên                                 |
| Ông Trần Kim Thành    | Thành viên                                 |
| Ông Võ Hiến           | Thành viên                                 |

**Ban Giám đốc**

|                      |  |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Vĩnh Thọ  | Tổng Giám đốc                                      |
| Ông Nguyễn Bình Minh | Phó Tổng Giám đốc                                  |
| Ông Tạ Phước Đạt     | Phó Tổng Giám đốc                                  |
| Ông Võ Hiến          | Phó Tổng Giám đốc                                  |
| Ông Phan Tuấn Dũng   | Phó Tổng Giám đốc                                  |
| Ông Mai Việt Hà      | Phó Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 20 tháng 2 năm 2008) |

**Ban Kiểm soát**

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Lê Xuân Đức       | Chủ tịch   |
| Bà Nguyễn Phương Loan | Thành viên |
| Ông Nguyễn Phúc Hưng  | Thành viên |

**Trụ sở đăng ký** 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên công việc kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá các chính sách kế toán và các ước tính trọng yếu của Ban lãnh đạo, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quan báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên tất cả các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

---

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán viên số: 08-01-180

---

Chong Kwang Puay  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
*Phó Tổng Giám đốc*

---

Lê Đức Phong  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 18 tháng 3 năm 2009

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008**

|   | Mã số      | Thuyết minh | 2008<br>VNĐ            | 2007<br>VNĐ            |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                            |            |             |                        |                        |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>                   | <b>100</b> |             | <b>367.076.207.609</b> | <b>423.494.534.471</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>49.130.501.895</b>  | <b>94.604.245.087</b>  |
| <b>Đầu tư ngắn hạn</b>                    | <b>120</b> | <b>5</b>    | <b>46.551.022.680</b>  | <b>83.920.083.900</b>  |
| Đầu tư ngắn hạn                           | 121        |             | 70.651.488.532         | 86.030.933.900         |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn         | 129        |             | (24.100.465.852)       | (2.110.850.000)        |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>187.045.077.164</b> | <b>168.222.252.312</b> |
| Phải thu thương mại                       | 131        |             | 46.315.835.208         | 44.231.645.637         |
| Trả trước cho người bán                   | 132        | 6           | 111.873.041.485        | 81.614.032.839         |
| Phải thu khác                             | 138        |             | 30.025.474.832         | 45.462.330.372         |
| Dự phòng phải thu khó đòi                 | 139        | 7           | (1.169.274.361)        | (3.085.756.536)        |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b> | <b>8</b>    | <b>71.484.902.978</b>  | <b>62.220.950.801</b>  |
| Hàng tồn kho                              | 141        |             | 75.639.267.407         | 64.450.774.063         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (4.154.364.429)        | (2.229.823.262)        |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>12.864.702.892</b>  | <b>14.527.002.371</b>  |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |             | 1.384.913.953          | 1.670.026.643          |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 1.176.481.874          | 2.954.739.758          |
| Thuế phải thu ngân sách Nhà nước          | 154        |             | 103.052.330            | 415.639.409            |
| Tài sản ngắn hạn khác                     | 158        |             | 10.200.254.735         | 9.486.596.561          |
| <b>Tài sản dài hạn</b>                    | <b>200</b> |             | <b>996.176.060.514</b> | <b>650.047.993.485</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>17.081.269.503</b>  | <b>-</b>               |
| <b>Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>337.423.863.671</b> | <b>154.615.703.528</b> |
| Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 9           | 20.541.321.711         | 23.846.253.759         |
| Nguyên giá                                | 222        |             | 45.230.491.425         | 47.667.264.677         |
| Khấu hao lũy kế                           | 223        |             | (24.689.169.714)       | (23.821.010.918)       |
| Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 10          | 49.448.819.760         | 2.526.106.264          |
| Nguyên giá                                | 228        |             | 51.800.519.660         | 4.599.926.000          |
| Phân bổ lũy kế                            | 229        |             | (2.351.699.900)        | (2.073.819.736)        |
| Xây dựng cơ bản dở dang                   | 230        | 11          | 267.433.722.200        | 128.243.343.505        |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                | <b>240</b> | <b>12</b>   | <b>38.521.026.609</b>  | <b>23.892.638.328</b>  |
| Nguyên giá                                | 241        |             | 50.825.805.393         | 32.579.047.545         |
| Khấu hao lũy kế                           | 242        |             | (12.304.778.784)       | (8.686.409.217)        |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

|                                  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>2008<br/>VNĐ</b>      | <b>2007<br/>VNĐ</b>      |
|----------------------------------|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Đầu tư dài hạn</b>            | <b>250</b>   | <b>13</b>          | <b>562.862.187.939</b>   | <b>465.705.986.356</b>   |
| Đầu tư vào công ty liên kết      | 252          |                    | 223.894.353.641          | 63.531.680.896           |
| Đầu tư dài hạn khác              | 258          |                    | 439.563.908.715          | 403.656.067.142          |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259          |                    | (100.596.074.417)        | (1.481.761.682)          |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>      | <b>260</b>   |                    | <b>40.287.712.792</b>    | <b>5.833.665.273</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn        | 261          | 14                 | 19.617.798.427           | 1.221.084.081            |
| Tài sản thuế hoãn lại            | 262          | 28                 | 13.218.838.894           | 1.906.001.721            |
| Tài sản dài hạn khác             | 268          |                    | 7.451.075.471            | 2.706.579.471            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>              | <b>270</b>   |                    | <b>1.363.252.268.123</b> | <b>1.073.542.527.956</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

|                                  | Mã số      | Thuyết minh | 2008<br>VNĐ              | 2007<br>VNĐ              |
|----------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                 |            |             |                          |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>               | <b>300</b> |             | <b>797.183.245.668</b>   | <b>669.451.985.169</b>   |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>               | <b>310</b> |             | <b>317.889.953.349</b>   | <b>649.338.561.804</b>   |
| Vay ngắn hạn                     | 311        | 15          | 128.168.304.260          | 480.187.553.177          |
| Phải trả thương mại              | 312        |             | 41.829.700.166           | 35.285.530.286           |
| Khách hàng tạm ứng               | 313        |             | 11.824.971.114           | 34.700.630.390           |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước | 314        | 16          | 21.239.068.472           | 7.876.857.540            |
| Phải trả cho nhân viên           | 315        |             | 33.384.760.193           | 41.347.829.563           |
| Chi phí trích trước              | 316        | 17          | 10.629.582.306           | 7.876.907.677            |
| Phải trả khác                    | 319        |             | 70.813.566.838           | 42.063.253.171           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                | <b>330</b> |             | <b>479.293.292.319</b>   | <b>20.113.423.365</b>    |
| Phải trả dài hạn khác            | 333        | 18          | 139.152.777.192          | 6.853.744.660            |
| Vay dài hạn                      | 334        | 19          | 338.351.335.879          | 8.987.300.000            |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả  | 335        | 28          | -                        | 3.256.997.658            |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc       | 336        |             | 1.789.179.248            | 1.015.381.047            |
| <b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>  |            | <b>20</b>   | <b>79.466.426.625</b>    | <b>45.650.892.992</b>    |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>            | <b>400</b> |             | <b>486.602.595.830</b>   | <b>358.439.649.795</b>   |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>            | <b>410</b> |             | <b>479.212.219.009</b>   | <b>355.019.457.174</b>   |
| Vốn cổ phần                      | 411        | 21          | 203.610.400.000          | 148.734.100.000          |
| Thặng dư vốn cổ phần             | 412        | 21          | 180.876.300.000          | 120.000.000.000          |
| Cổ phiếu ngân quỹ                | 413        | 21          | (3.544.746.277)          | (2.801.612.500)          |
| Chênh lệch tỷ giá                | 416        |             | 650.345.638              | -                        |
| Quỹ đầu tư và phát triển         | 417        |             | 16.193.469.287           | 12.098.543.923           |
| Quỹ dự phòng tài chính           | 418        |             | 6.602.007.981            | 3.371.905.229            |
| Lợi nhuận chưa phân phối         | 419        |             | 74.824.442.380           | 73.616.520.522           |
| <b>Quỹ khác</b>                  | <b>430</b> |             | <b>7.390.376.821</b>     | <b>3.420.192.621</b>     |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi         | 431        |             | 7.390.376.821            | 3.420.192.621            |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>440</b> |             | <b>1.363.252.268.123</b> | <b>1.073.542.527.956</b> |

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

18 tháng 3 năm 2009

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng**  
**12 năm 2008**

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2008<br>VNĐ                | 2007<br>VNĐ                |
|---|-----------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                               | <b>01</b> | <b>22</b>   | <b>2.120.656.466.797</b>   | <b>1.750.035.576.139</b>   |
| <b>Các khoản giảm trừ</b>                           | <b>03</b> |             | <b>(3.033.181.060)</b>     | <b>(5.333.825.766)</b>     |
| <b>Doanh thu thuần</b>                              | <b>10</b> | <b>22</b>   | <b>2.117.623.285.737</b>   | <b>1.744.701.750.373</b>   |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                             | <b>11</b> | <b>23</b>   | <b>(1.945.126.877.894)</b> | <b>(1.635.311.308.187)</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                                | <b>20</b> |             | <b>172.496.407.843</b>     | <b>109.390.442.186</b>     |
| Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21        | 24          | 77.487.561.998             | 93.198.923.731             |
| Chi phí hoạt động tài chính                         | 22        | 25          | (202.501.817.096)          | (29.302.699.391)           |
| Chi phí bán hàng                                    | 24        |             | (61.719.379.982)           | (45.101.448.461)           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 25        |             | (49.130.543.469)           | (58.934.475.819)           |
| <b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>30</b> |             | <b>(63.367.770.706)</b>    | <b>69.250.742.246</b>      |
| <b>Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết</b>  |           | <b>13</b>   | <b>10.666.133.785</b>      | <b>581.318.277</b>         |
| <b>Kết quả các hoạt động khác</b>                   | <b>40</b> |             |                            |                            |
| Thu nhập khác                                       | 31        | 26          | 120.415.490.010            | 17.391.333.915             |
| Chi phí khác  | 32        | 27          | (5.847.989.273)            | (3.255.243.926)            |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                         | <b>50</b> |             | <b>61.865.863.816</b>      | <b>83.968.150.512</b>      |
| <b>Thuế thu nhập – hiện hành</b>                    | <b>51</b> | <b>28</b>   | <b>(21.143.222.547)</b>    | <b>(9.169.128.658)</b>     |
| <b>Thuế thu nhập – hoãn lại</b>                     | <b>52</b> | <b>28</b>   | <b>14.569.834.831</b>      | <b>(979.136.201)</b>       |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>                     |           |             | <b>55.292.476.100</b>      | <b>73.819.885.653</b>      |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng**  
**12 năm 2008 (tiếp theo)**

|  | <b>Mã</b> | <b>Thuyết</b> | <b>2008</b>           | <b>2007</b>           |
|--|-----------|---------------|-----------------------|-----------------------|
|  | <b>số</b> | <b>minh</b>   | <b>VNĐ</b>            | <b>VNĐ</b>            |
| <b>Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số</b>    | <b>61</b> |               | <b>15.339.311.289</b> | <b>7.998.298.316</b>  |
| <b>Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty</b> | <b>62</b> |               | <b>39.953.164.811</b> | <b>65.821.587.337</b> |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>                | <b>60</b> |               | <b>55.292.476.100</b> | <b>73.819.885.653</b> |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                | <b>70</b> | <b>29</b>     | <b>2.236</b>          | <b>4.755</b>          |

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

18 tháng 3 năm 2009



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

|   | Vốn cổ phần<br>VNĐ | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VNĐ | Cổ phiếu<br>ngân quỹ<br>VNĐ | Chênh lệch<br>tỷ giá<br>VNĐ | Quỹ đầu tư và<br>phát triển<br>VNĐ | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VNĐ | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VNĐ | Quỹ khen<br>thưởng phúc lợi<br>VNĐ | Tổng<br>VNĐ      |
|---|--------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Số dư ngày 1 tháng 1<br/>năm 2007</b>            | 128.734.100.000    | -                              | (2.801.612.500)             | -                           | 3.987.290.914                      | 1.627.184.098                    | 45.041.309.057                     | 956.342.309                        | 177.544.613.878  |
| Phát hành cổ phiếu                                  | 20.000.000.000     | 120.000.000.000                | -                           | -                           | -                                  | -                                | -                                  | -                                  | 140.000.000.000  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                           | -                  | -                              | -                           | -                           | -                                  | -                                | 65.821.587.337                     | -                                  | 65.821.587.337   |
| Phân bổ cho các quỹ                                 | -                  | -                              | -                           | -                           | 8.111.253.009                      | 1.744.721.131                    | (13.285.125.872)                   | 3.429.151.732                      | -                |
| Cổ tức  | -                  | -                              | -                           | -                           | -                                  | -                                | (22.949.489.000)                   | -                                  | (22.949.489.000) |
| Chi hoạt động cho Ban điều<br>hành và Ban kiểm soát | -                  | -                              | -                           | -                           | -                                  | -                                | (919.527.314)                      | -                                  | (919.527.314)    |
| Giảm khác   | -                  | -                              | -                           | -                           | -                                  | -                                | (92.233.686)                       | -                                  | (92.233.686)     |
| Sử dụng quỹ   | -                  | -                              | -                           | -                           | -                                  | -                                | -                                  | (965.301.420)                      | (965.301.420)    |
| <b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm<br/>2008</b>            | 148.734.100.000    | 120.000.000.000                | (2.801.612.500)             | -                           | 12.098.543.923                     | 3.371.905.229                    | 73.616.520.522                     | 3.420.192.621                      | 358.439.649.795  |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

|   | Vốn cổ phần<br>VNĐ     | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VNĐ | Cổ phiếu<br>ngân quỹ<br>VNĐ | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái<br>VNĐ | Quỹ đầu tư và<br>phát triển<br>VNĐ | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VNĐ | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VNĐ | Quỹ khen<br>thưởng phúc lợi<br>VNĐ | Tổng<br>VNĐ            |
|---|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| <b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>                    | 148.734.100.000        | 120.000.000.000                | (2.801.612.500)             | -                                    | 12.098.543.923                     | 3.371.905.229                    | 73.616.520.522                     | 3.420.192.621                      | 358.439.649.795        |
| Phát hành cổ phiếu                                      | 54.876.300.000         | 60.876.300.000                 | -                           | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | -                                  | 115.752.600.000        |
| Cổ phiếu mua lại  | -                      | -                              | (743.133.777)               | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | -                                  | (743.133.777)          |
| Lợi nhuận thuần trong năm                               | -                      | -                              | -                           | -                                    | -                                  | -                                | 39.953.164.811                     | -                                  | 39.953.164.811         |
| Chênh lệch tỷ giá                                       | -                      | -                              | -                           | 650.345.638                          | -                                  | -                                | -                                  | -                                  | 650.345.638            |
| Phân bổ cho các quỹ                                     | -                      | -                              | -                           | -                                    | 4.094.925.364                      | 3.230.102.752                    | (13.693.719.537)                   | 6.368.691.421                      | -                      |
| Cổ tức  | -                      | -                              | -                           | -                                    | -                                  | -                                | (21.810.925.500)                   | -                                  | (21.810.925.500)       |
| Chi hoạt động cho Ban điều hành và Ban kiểm soát        | -                      | -                              | -                           | -                                    | -                                  | -                                | (1.619.088.844)                    | -                                  | (1.619.088.844)        |
| Giảm khác   | -                      | -                              | -                           | -                                    | -                                  | -                                | (320.836.973)                      | -                                  | (320.836.973)          |
| Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do loãng vốn | -                      | -                              | -                           | -                                    | -                                  | -                                | (1.300.672.099)                    | -                                  | (1.300.672.099)        |
| Sử dụng quỹ   | -                      | -                              | -                           | -                                    | -                                  | -                                | -                                  | (2.398.507.221)                    | (2.398.507.221)        |
| <b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>                  | <b>203.610.400.000</b> | <b>180.876.300.000</b>         | <b>(3.544.746.277)</b>      | <b>650.345.638</b>                   | <b>16.193.469.287</b>              | <b>6.602.007.981</b>             | <b>74.824.442.380</b>              | <b>7.390.376.821</b>               | <b>486.602.595.830</b> |

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2009

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

|  | <b>Mã</b> | <b>Thuyết</b> | <b>2008</b>             | <b>2007</b>             |
|--|-----------|---------------|-------------------------|-------------------------|
|  | <b>số</b> | <b>minh</b>   | <b>VNĐ</b>              | <b>VNĐ</b>              |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |           |               |                         |                         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>01</b> |               | <b>61.865.863.816</b>   | <b>83.968.150.512</b>   |
| <b>Điều chỉnh cho</b>  |           |               |                         |                         |
| Khấu hao và phân bổ  | 02        |               | 9.091.544.733           | 10.086.763.168          |
| Dự phòng   | 03        |               | 121.061.987.579         | 3.496.249.910           |
| Lãi từ thanh lý tài sản  |           |               | (23.288.164.499)        | (78.089.221)            |
| Lỗ/(lãi) từ kinh doanh chứng khoán   |           |               | 6.762.693.337           | (58.284.118.883)        |
| Thu nhập từ thanh lý đầu tư  |           |               | (11.952.379.601)        | (2.098.515.211)         |
| Xóa sổ tài sản cố định   | 05        |               | 3.398.608.732           | -                       |
| Chi phí lãi vay  | 06        |               | 63.319.911.776          | 26.058.258.449          |
| Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức  |           |               | (54.963.977.397)        | (31.488.473.853)        |
| Thu nhập từ các công ty liên kết   |           |               | (10.666.133.785)        | (581.318.277)           |
| Lãi do bán khoản đầu tư công ty liên kết                                   |           |               | (6.715.939.197)         | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư  |           |               | (100.759.620.000)       | -                       |
|  |           |               |                         |                         |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b> |               | <b>57.154.395.494</b>   | <b>31.078.906.594</b>   |
|  |           |               |                         |                         |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác                      | 09        |               | 5.433.620.802           | (135.426.836.092)       |
| Biến động hàng tồn kho   | 10        |               | (11.188.493.344)        | 12.347.411.987          |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                                    | 11        |               | 13.812.743.697          | 29.354.836.373          |
| Biến động chi phí trả trước dài hạn  | 12        |               | (18.396.714.346)        | (193.182.562)           |
|  |           |               |                         |                         |
|  |           |               | <b>46.815.552.303</b>   | <b>(62.838.863.700)</b> |
|  |           |               |                         |                         |
| Lãi vay đã trả   | 13        |               | (64.485.471.855)        | (22.136.997.447)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14        |               | (11.506.196.947)        | (5.097.452.270)         |
| Chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 16        |               | (4.596.142.339)         | (2.142.129.480)         |
|  |           |               |                         |                         |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh</b>                             | <b>20</b> |               | <b>(33.772.258.838)</b> | <b>(92.215.442.897)</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

|   | <b>Mã</b> | <b>Thuyết</b> | <b>2008</b>             | <b>2007</b>              |
|---|-----------|---------------|-------------------------|--------------------------|
|   | <b>số</b> | <b>minh</b>   | <b>VNĐ</b>              | <b>VNĐ</b>               |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>            |           |               |                         |                          |
| Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác           | 21        |               | (197.219.596.943)       | (62.266.862.457)         |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác   | 22        |               | 39.740.725.364          | 3.076.474.273            |
| Thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết               |           |               | 13.177.500.794          | -                        |
| Tiền thu/(chi) kinh doanh chứng khoán                     |           |               | 9.514.042.332           | (5.724.265.017)          |
| Đầu tư vào các công ty khác                               | 25        |               | -                       | (182.188.682.957)        |
| Thu lãi tiền gửi và cổ tức                                | 27        |               | 31.350.499.379          | 6.752.284.437            |
| Thu đầu tư vào các công ty khác                           |           |               | 35.801.393.390          | -                        |
| Chi tài sản dài hạn khác                                  |           |               | (11.237.295.000)        | -                        |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>                | <b>30</b> |               | <b>(78.872.730.684)</b> | <b>(240.351.051.721)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>             |           |               |                         |                          |
| Thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số |           |               | 26.720.880.000          | 18.954.000.000           |
| Thu từ phát hành vốn của Công ty                          | 31        |               | 115.752.600.000         | 140.000.000.000          |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                      | 32        |               | (743.133.777)           | -                        |
| Thu từ khoản vay ngắn hạn                                 | 33        |               | 1.051.393.648.875       | 900.332.351.625          |
| Thanh toán nợ   | 34        |               | (1.096.523.451.913)     | (638.484.936.850)        |
| Trả cổ tức cho cổ đông của Công ty                        |           |               | (21.442.348.500)        | (24.821.337.000)         |
| Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con           |           |               | (7.986.948.355)         | (1.516.140.520)          |
| <b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> |               | <b>67.171.246.330</b>   | <b>394.463.937.255</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                    | <b>50</b> |               | <b>(45.473.743.192)</b> | <b>61.897.442.637</b>    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>         | <b>60</b> |               | <b>94.604.245.087</b>   | <b>32.706.802.450</b>    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>        | <b>70</b> | <b>4</b>      | <b>49.130.501.895</b>   | <b>94.604.245.087</b>    |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ**

|  | <b>2008</b>     | <b>2007</b> |
|--|-----------------|-------------|
|  | <b>VNĐ</b>      | <b>VNĐ</b>  |
| Đầu tư vào công ty liên kết bằng tài sản | 164.043.000.000 | -           |

---

---

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

18 tháng 3 năm 2009

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Công ty bắt đầu hoạt động chính thức như một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân vào ngày 4 tháng 1 năm 2005 khi doanh nghiệp Nhà nước bàn giao con dấu cho Công ty. Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh: mua bán các mặt hàng công nghiệp, nông nghiệp và lâm thủy sản, hàng may mặc, hàng tiêu dùng, mỹ phẩm, văn hoá phẩm, thực phẩm và nước giải khát các loại, bất động sản và các mặt hàng khác;
- Dịch vụ: các dịch vụ làm gia tăng giá trị hàng hoá và các dịch vụ tổng hợp bao gồm vận chuyển hành khách, kho vận, sửa chữa và bảo hành sản phẩm điện tử, xe gắn máy, xe ô tô các loại, cho thuê bất động sản và các dịch vụ khác;
- Đầu tư: đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, mua cổ phần của các công ty khác. Xem Thuyết minh 13 về chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên doanh và công ty liên kết và Thuyết minh 3 về chi tiết các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và đồng kiểm soát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có 765 nhân viên (2007: 706 nhân viên)

#### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam, và được lập trên cơ sở giá gốc.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2008 (tiếp theo)**

**(c) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

**(ii) Các công ty liên doanh và công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết và công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

**(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại, nếu không trọng yếu, được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty thì được hạch toán vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

**(i) Phân loại**

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

**(ii) Ghi nhận**

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Xác định giá trị**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**(iv) Giảm giá**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(v) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                                       |            |
|---------------------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                             | 6 – 42 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị                 | 4 – 8 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng và thiết bị khác | 2 – 7 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển              | 5 – 6 năm  |
| ▪ khác                                | 3 – 5 năm  |

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 4 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 6 đến 22 năm.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

#### **(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

#### **(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(n) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

#### **(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

#### **(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**(q) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

**(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính đó.

### Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

#### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

### 3. Báo cáo bộ phận

Trong năm 2008, Tập đoàn đã thay đổi cách trình bày báo cáo bộ phận để phù hợp với cách phân loại hoạt động kinh doanh của ban điều hành. Trong bộ phận “Khác” có các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp thương mại nhỏ; doanh thu từ hoạt động này được xem như cho thuê và được xếp vào nhóm “Bất động sản đầu tư”. Các hoạt động còn lại trong “Khác” chủ yếu là thương mại; doanh thu từ các hoạt động này là không đáng kể và được cộng vào “Kinh doanh xe gắn máy và ô tô”, bộ phận mới được gọi là “Thương mại dịch vụ”. Báo cáo bộ phận tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày mới.

|                                | Thương mại dịch vụ  |                     | Bất động sản đầu tư |                  | Đầu tư tài chính  |                  | Tổng                |                     |
|--------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|------------------|-------------------|------------------|---------------------|---------------------|
|                                | 2008<br>VND         | 2007<br>VND         | 2008<br>VND         | 2007<br>VND      | 2008<br>VND       | 2007<br>VND      | 2008<br>VND         | 2007<br>VND         |
| Doanh thu khách hàng bên ngoài | 2.067.024.044.994   | 1.712.533.386.149   | 85.057.198.018      | 50.104.448.180   | 53.695.738.508    | 93.235.491.967   | 2.205.776.981.520   | 1.855.873.326.296   |
| Chi phí trực tiếp của bộ phận  | (2.028.954.380.708) | (1.687.953.276.578) | (75.221.418.023)    | (44.081.500.474) | (154.302.819.711) | (39.870.398.732) | (2.258.478.618.442) | (1.771.905.175.784) |
| Lợi nhuận bộ phận kinh doanh   | 38.069.664.286      | 23.998.791.294      | 9.835.779.995       | 6.022.947.706    | (100.607.081.203) | 53.365.093.235   | (52.701.636.921)    | 83.968.150.512      |
| Doanh thu không phân bổ        |                     |                     |                     |                  |                   |                  | 120.415.490.010     | -                   |
| Chi phí không phân bổ          |                     |                     |                     |                  |                   |                  | (5.847.989.272)     | -                   |
|                                |                     |                     |                     |                  |                   |                  | 61.865.863.817      | 83.968.150.512      |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

|                       | Thương mại dịch vụ     |                        | Bất động sản đầu tư    |                        | Đầu tư tài chính       |                        | Tổng                     |                          |
|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                       | 2008<br>VNĐ            | 2007<br>VNĐ            | 2008<br>VNĐ            | 2007<br>VNĐ            | 2008<br>VNĐ            | 2007<br>VNĐ            | 2008<br>VNĐ              | 2007<br>VNĐ              |
| <b>Tài sản</b>        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                          |                          |
| Tài sản ngắn hạn      | 198.258.143.482        | 150.654.000.899        | 110.407.093.947        | 125.857.331.047        | 45.510.970.180         | 79.214.572.900         | 354.176.207.609          | 355.725.904.846          |
| Tài sản dài hạn       | 328.782.406.714        | 22.520.475.027         | 459.944.884.242        | 270.260.206.436        | 207.448.769.558        | 415.157.313.791        | 996.176.060.514          | 707.937.995.254          |
| Tài sản không phân bổ | -                      | -                      | -                      | -                      | -                      | -                      | 12.900.000.000           | 9.878.627.856            |
|                       | <b>527.040.550.196</b> | <b>173.174.475.926</b> | <b>570.351.978.189</b> | <b>396.117.537.483</b> | <b>265.859.739.738</b> | <b>494.371.886.691</b> | <b>1.363.252.268.123</b> | <b>1.073.542.527.956</b> |
| <b>Nợ phải trả</b>    |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                          |                          |
| Nợ ngắn hạn           | 194.691.628.547        | 86.265.452.807         | 103.211.765.070        | 173.161.431.433        | 19.986.559.732         | 389.911.677.564        | 317.889.953.349          | 649.338.561.804          |
| Nợ dài hạn            | 76.174.545.585         | 4.430.338.585          | 299.662.333.005        | 7.566.625.064          | 103.456.413.729        | 8.116.459.716          | 479.293.292.319          | 20.113.423.365           |
|                       | <b>270.866.174.132</b> | <b>90.695.791.392</b>  | <b>402.874.098.075</b> | <b>180.728.056.497</b> | <b>123.442.973.461</b> | <b>398.028.137.280</b> | <b>797.183.245.668</b>   | <b>669.451.985.169</b>   |
| Khấu hao và phân bổ   | 5.049.925.899          | 6.264.028.181          | 4.041.618.834          | 3.000.823.815          | -                      | 821.911.172            | 9.091.544.733            | 10.086.763.168           |
| Dự phòng              | 4.462.429.671          | 1.385.399.910          | -                      | -                      | 116.599.557.908        | 2.110.850.000          | 121.061.987.579          | 3.496.249.910            |
| Mua tài sản cố định   | 4.462.343.432          | 3.992.609.373          | 193.407.599.149        | 58.274.253.084         | -                      | -                      | 197.869.942.581          | 62.266.862.457           |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | <b>2008</b><br><b>VNĐ</b> | <b>2007</b><br><b>VNĐ</b> |
|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ   | 3.806.935.102             | 3.145.997.075             |
| Tiền gửi ngân hàng | 40.323.566.793            | 89.519.248.012            |
| Tiền đang chuyển   | -                         | 1.939.000.000             |
| Tương đương tiền   | 5.000.000.000             | -                         |
|                    | 49.130.501.895            | 94.604.245.087            |

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ tương 73 triệu VNĐ (2007: 1.687 triệu VNĐ).

**5. Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

|                         | <b>2008</b><br><b>VNĐ</b> | <b>2007</b><br><b>VNĐ</b> |
|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm           | 2.110.850.000             | -                         |
| Tăng dự phòng trong năm | 21.989.615.852            | 2.110.850.000             |
|                         | 24.100.465.852            | 2.110.850.000             |

Trong khoản đầu tư ngắn hạn có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hoặc được giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 6.195.667.980 VNĐ, giá thị trường cho các cổ phiếu này không thể được xác định một cách đáng tin cậy và thông tin tin cậy cho việc xem xét dự phòng giảm giá thì không có sẵn. Vì vậy, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được ghi nhận theo nguyên giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 39.009 triệu VNĐ (2007: 15.644 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**6. Trả trước cho người bán**

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 100.760 triệu VNĐ (2007: 78.139 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, trả trước cho người bán có giá trị ghi sổ là 62.807 triệu VNĐ (2007: không) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

|                            | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm              | 3.085.756.536             | 2.547.476.650             |
| Tăng dự phòng trong năm    | 50.000.000                | 538.279.886               |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (1.966.482.175)           | -                         |
|                            | <hr/>                     | <hr/>                     |
| Số dư cuối năm             | 1.169.274.361             | 3.085.756.536             |
|                            | <hr/> <hr/>               | <hr/> <hr/>               |

**8. Hàng tồn kho**

|                                | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Vật tư và phụ tùng thay thế    | 2.890.474.315             | 1.839.433.489             |
| Hàng hóa                       | 72.748.793.092            | 62.476.850.613            |
| Hàng gửi bán                   | -                         | 134.489.961               |
|                                | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                                | 75.639.267.407            | 64.450.774.063            |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (4.154.364.429)           | (2.229.823.262)           |
|                                | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                                | 71.484.902.978            | 62.220.950.801            |
|                                | <hr/> <hr/>               | <hr/> <hr/>               |

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

|                            | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm              | 2.229.823.262             | 2.317.998.667             |
| Tăng dự phòng trong năm    | 1.924.541.167             | 847.120.024               |
| Sử dụng dự phòng trong năm | -                         | (935.295.429)             |
|                            | <hr/>                     | <hr/>                     |
| Số dư cuối năm             | 4.154.364.429             | 2.229.823.262             |
|                            | <hr/> <hr/>               | <hr/> <hr/>               |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 14.025 triệu VND (2007: 10.732 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                 | <b>Nhà cửa<br/>VNĐ</b> | <b>Máy móc<br/>và thiết bị<br/>VNĐ</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VNĐ</b> | <b>Phương tiện<br/>vận chuyển<br/>VNĐ</b> | <b>Khác<br/>VNĐ</b> | <b>Tổng<br/>VNĐ</b> |
|---------------------------------|------------------------|--|---------------------------------------|---|---------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>               |                        |  |                                       |   |                     |                     |
| Số dư đầu năm                   | 18.796.246.276         | 17.917.943.975                         | 2.951.658.866                         | 7.683.487.859                             | 317.927.701         | 47.667.264.677      |
| Tăng trong năm                  | 2.421.425.192          | 1.001.850.067                          | 936.767.589                           | 1.834.136.660                             | 55.672.729          | 6.249.852.237       |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (194.919.603)          | -                                      | -                                     | -   | -                   | (194.919.603)       |
| Thanh lý                        | -                      | (624.467.481)                          | -                                     | (2.800.013.749)                           | -                   | (3.424.481.230)     |
| Xóa sổ                          | (5.039.325.525)        | -                                      | (27.899.131)                          | -   | -                   | (5.067.224.656)     |
| Số dư cuối năm                  | 15.983.426.340         | 18.295.326.561                         | 3.860.527.324                         | 6.717.610.770                             | 373.600.430         | 45.230.491.425      |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>          |                        |  |                                       |   |                     |                     |
| Số dư đầu năm                   | 11.609.310.503         | 6.458.836.902                          | 1.614.837.137                         | 3.870.303.257                             | 267.723.119         | 23.821.010.918      |
| Khấu hao trong năm              | 1.591.053.441          | 1.926.191.686                          | 504.246.088                           | 1.171.897.421                             | 71.361.787          | 5.264.750.423       |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (69.455.421)           | -                                      | -                                     | -   | -                   | (69.455.421)        |
| Thanh lý                        | -                      | (193.946.063)                          | -                                     | (1.485.131.198)                           | -                   | (1.679.077.261)     |
| Xóa sổ                          | (2.631.858.523)        | -                                      | (16.200.422)                          | -   | -                   | (2.648.058.945)     |
| Số dư cuối năm                  | 10.499.050.000         | 8.191.082.525                          | 2.102.882.803                         | 3.557.069.480                             | 339.084.906         | 24.689.169.714      |
| <b>Giá trị còn lại</b>          |                        |  |                                       |   |                     |                     |
| Số dư cuối năm                  | 5.484.376.340          | 10.104.244.036                         | 1.757.644.521                         | 3.160.541.290                             | 34.515.524          | 20.541.321.711      |
| Số dư đầu năm                   | 7.186.935.773          | 11.459.107.073                         | 1.336.821.729                         | 3.813.184.602                             | 50.204.582          | 23.846.253.759      |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá là 5.555 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 4.209 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.838 triệu VNĐ (2007: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

|                        | <b>Quyền sử dụng đất<br/>VNĐ</b> | <b>Phần mềm vi tính<br/>VNĐ</b> | <b>Tổng<br/>VNĐ</b> |
|------------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                                  |                                 |                     |
| Số dư đầu năm          | 4.472.464.000                    | 127.462.000                     | 4.599.926.000       |
| Tăng trong năm         | 46.699.438.910                   | 501.154.750                     | 47.200.593.660      |
| Số dư cuối năm         | 51.171.902.910                   | 628.616.750                     | 51.800.519.660      |
| <b>Phân bổ lũy kế</b>  |                                  |                                 |                     |
| Số dư đầu năm          | 2.059.655.182                    | 14.164.554                      | 2.073.819.736       |
| Phân bổ trong năm      | 235.392.840                      | 42.487.324                      | 277.880.164         |
| Số dư cuối năm         | 2.295.048.022                    | 56.651.878                      | 2.351.699.900       |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                  |                                 |                     |
| Số dư cuối năm         | 48.876.854.888                   | 571.964.872                     | 49.448.819.760      |
| Số dư đầu năm          | 2.412.808.818                    | 113.297.446                     | 2.526.106.264       |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 46.699 triệu VNĐ (2007: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                 | <b>2008<br/>VNĐ</b> |
|---------------------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                   | 128.243.343.505     |
| Tăng trong năm                  | 172.928.816.857     |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (32.758.995.141)    |
| Xóa sổ                          | (979.443.021)       |
| Số dư cuối năm                  | 267.433.722.200     |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 132.999 triệu VNĐ (2007: 2.011 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**12. Bất động sản đầu tư**

|                                    | <b>Nhà cửa<br/>VND</b> |
|------------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                  |                        |
| Số dư đầu năm                      | 32.579.047.545         |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang  | 32.758.995.141         |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | 194.919.603            |
| Thanh lý                           | (14.707.156.896)       |
|                                    | <hr/>                  |
| Số dư cuối năm                     | 50.825.805.393         |
|                                    | <hr/>                  |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>             |                        |
| Số dư đầu năm                      | 8.686.409.217          |
| Khấu hao trong năm                 | 3.548.914.146          |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | 69.455.421             |
|                                    | <hr/>                  |
| Số dư cuối năm                     | 12.304.778.784         |
|                                    | <hr/>                  |
| <b>Giá trị còn lại</b>             |                        |
| Số dư cuối năm                     | 38.521.026.609         |
| Số dư đầu năm                      | 23.892.638.328         |
|                                    | <hr/>                  |

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có tài sản với nguyên giá 4.893 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 23.150 triệu VNĐ (2007: 20.483 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**13. Đầu tư dài hạn**

|                                     | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết | 223.894.353.641           | 63.531.680.896            |
| Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn     | 1.000.000.000             | 1.000.000.000             |
| Trái phiếu kho bạc dài hạn          | 150.000.000               | 150.000.000               |
| Đầu tư dài hạn khác                 | 438.413.908.715           | 402.506.067.142           |
|                                     | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                                     | 663.458.262.356           | 467.187.748.038           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn    | (100.596.074.417)         | (1.481.761.682)           |
|                                     | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                                     | 562.862.187.939           | 465.705.986.356           |
|                                     | <hr/>                     | <hr/>                     |

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

|   | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm   | 63.531.680.896            | 55.105.028.121            |
| Đầu tư mới  | 166.443.000.000           | 9.950.298.800             |
| Loại bỏ chi phí tăng thêm ở công ty liên kết                                      | 248.684.638               | 248.684.638               |
| Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp) | 10.666.133.785            | 581.318.277               |
| Thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết  | (6.461.561.597)           | -                         |
| Cổ tức từ công ty liên kết  | (9.232.911.982)           | (2.353.648.940)           |
| Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do lỗ vốn                              | (1.300.672.099)           | -                         |
|   | <hr/>                     | <hr/>                     |
|   | 223.894.353.641           | 63.531.680.896            |
|   | <hr/>                     | <hr/>                     |

Trong đầu tư dài hạn khác có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 1.257.814.000 VND; giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 16.799 triệu VND và đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 168.628 triệu VND (2007: 31.753 triệu VND và 189.194 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

|                         | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm           | 1.481.761.682             | 1.749.717.359             |
| Tăng dự phòng trong năm | 99.114.312.735            | -                         |
| Hoàn nhập               | -                         | (267.955.677)             |
|                         | <hr/>                     | <hr/>                     |
| Số dư cuối năm          | 100.596.074.417           | 1.481.761.682             |
|                         | <hr/>                     | <hr/>                     |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

| <b>Tên</b>  | <b>Hoạt động chính</b>  | <b>Giấy phép Đầu tư</b>  | <b>% Quyền sở hữu</b> | <b>2008 VNĐ</b> | <b>2007 VNĐ</b> |
|---|---|--|-----------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Tam Bình Thủ Đức                               | Kinh doanh, chế biến thực phẩm và sản phẩm nông nghiệp, cho thuê nhà xưởng, cung cấp dịch vụ vận chuyển, đóng gói, dịch vụ du lịch, đầu tư, tư vấn quản lý và kinh doanh dịch vụ khuyến mãi.                  | Giấy phép Kinh doanh số 4102019420 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001, điều chỉnh lại ngày 22 tháng 12 năm 2003, và ngày 21 tháng 11 năm 2007.  | 30%                   | -               | 6.461.561.597   |
| Công ty Taxi Comfort Delgro Savico Taxi                     | Cung cấp dịch vụ vận tải ô tô và các dịch vụ tương tự khác tại Việt Nam.  | Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.  | 40,19%                | 22.206.922.691  | 21.442.496.320  |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn                                | Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.   | Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.   | 49%                   | 1.830.137.405   | 1.828.354.504   |
| Công ty Cổ phần Dana  | Là đại lý cho Công ty TNHH Ford Việt Nam và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì và cho thuê phương tiện vận chuyển.  | Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25  | 40%                   | 4.669.355.554   | 4.339.005.913   |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn                         | Kinh doanh xe ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ bảo trì ô tô vận chuyển nặng ô tô, hàng thủ công, thức ăn, cơ sở hạ tầng và dịch vụ giải trí.  | Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007. | 35,16%                | 27.648.271.784  | 27.799.233.828  |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành - Savico | Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, động cơ điện, phụ tùng xe, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, cho thuê xe ô tô và sửa chữa và bảo trì xe máy và dịch vụ bưu điện. | Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.  | 37%                   | 1.635.734.827   | 1.661.028.734   |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

| Tên                           | Hoạt động chính   | Giấy phép Đầu tư   | % Quyền sở hữu | 2008 VNĐ        | 2007 VNĐ       |
|-------------------------------|---|--|----------------|-----------------|----------------|
| Công ty TNHH Siêu xe          | Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, máy vi tính, máy ảnh; dịch vụ sửa chữa và bảo trì ô tô, vận chuyển bằng ô tô, cho thuê ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008. | 37,5%          | 1.860.931.380   | -              |
| Công ty TNHH Savico -Vinaland | Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan  | Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.                                    | 49,50%         | 164.043.000.000 | -              |
|                               |   |  |                | 223.894.353.641 | 63.531.680.896 |

#### 14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm chi phí trả trước cho Công ty Thiên Hà là 18.500.496.262 VNĐ (2007: không).

Trong năm 2008, một công ty con đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) với Công ty Thiên Hà để mở một cửa hàng trưng bày thứ hai tại quận Hoàng Mai (Hà Nội) trong 20 năm kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2008. Theo HĐHTKD, Công ty Thiên Hà sẽ góp quyền sử dụng đất, công ty con sẽ góp 14,5 tỷ VNĐ để mở cửa hàng trưng bày. HĐHTKD được Ủy ban Nhân dân Hà Nội duyệt vào ngày 24 tháng 11 năm 2008 theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01124000007.

Theo HĐHTKD, bất kể hoạt động kinh doanh của cửa hàng trưng bày, công ty con phải trả cho Công ty Thiên Hà một khoản chia sẻ lợi nhuận định trước thay cho tiền thuê đất. Theo HĐHTKD, năm 2008, công ty con đã trả cho Công ty Thiên Hà khoản tiền 18,5 tỷ VNĐ thể hiện 90% khoản chia sẻ lợi nhuận trong tám năm kế tiếp.

Theo thỏa thuận của đôi bên, năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ 1 tháng 1 năm 2009.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**15. Vay ngắn hạn**

|  | 2008<br>VNĐ     | 2007<br>VNĐ     |
|--|-----------------|-----------------|
| Vay ngắn hạn   |                 |                 |
| Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1                        | -               | 5.098.251.622   |
| Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1                        | -               | 34.008.000.000  |
| Ngân hàng Phương Đông                                      | -               | 150.000.000.000 |
| Ngân hàng Phương Nam                                       | -               | 48.000.000.000  |
| Công ty Liên doanh Tài chính Petro – Chi nhánh Hồ Chí Minh | -               | 42.500.000.000  |
| Ngân hàng ANZ – Chi nhánh Hồ Chí Minh                      | -               | 112.000.000.000 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam                    | -               | 1.470.000.000   |
| Công ty Chứng khoán Phương Đông                            | -               | 32.272.000.000  |
| Ngân hàng Sài Gòn Thương tín                               | -               | 23.900.000.000  |
| Công ty Chứng khoán Phương Đông                            | -               | 19.319.500.000  |
| Ngân hàng Phương Đông                                      | -               | 970.000.000     |
| Ngân hàng Phương Đông (a)                                  | 35.000.000.000  | -               |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (b)                           | 1.800.000.000   | 1.800.000.000   |
| Công ty Chứng khoán Phương Đông (c)                        | 19.500.000.033  | -               |
| Ngân hàng Quân đội (d)                                     | 4.000.000.000   | -               |
| Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. (e)                   | 600.000.000     | -               |
| Ngân hàng HSBC (f)   | 22.849.455.027  | 7.073.801.555   |
| Ngân hàng Phương Đông (g)                                  | 9.991.000.000   | -               |
|  | 93.740.455.060  | 478.411.553.177 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)                    | 34.427.849.200  | 1.776.000.000   |
|  | 128.168.304.260 | 480.187.553.177 |

- a. Khoản vay được đảm bảo bởi các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác với nguyên giá lần lượt là 39.009 triệu VNĐ và 129.450 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 16,5% đến 18,0% một năm.
- b. Khoản vay từ một công ty liên kết, không được bảo đảm và chịu lãi suất là 3,6% (2007: 3,6%) một năm.
- c. Khoản vay được đảm bảo bởi các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 39.178 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 13,8% một năm.
- d. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 737 triệu VNĐ và một tài sản cá nhân. Khoản vay chịu lãi suất 12,72% đến 15% một năm.
- e. Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 14,45% một năm.
- f. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 13.288 triệu VNĐ (2007: 10.732 triệu VNĐ) và chịu lãi suất từ 10,4% đến 19,5% (2007: 11,25% đến 11,75%) một năm.
- g. Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 8% (2007: không) một năm.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

|                            | <b>2008</b><br><b>VNĐ</b> | <b>2007</b><br><b>VNĐ</b> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 2.880.851.299             | 1.603.776.927             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.823.822.620            | 4.186.797.020             |
| Thuế khác                  | 4.534.394.553             | 2.086.283.593             |
|                            | <hr/> 21.239.068.472      | <hr/> 7.876.857.540       |
|                            | <hr/> <hr/>               | <hr/> <hr/>               |

**17. Chi phí trích trước**

|  | <b>2008</b><br><b>VNĐ</b> | <b>2007</b><br><b>VNĐ</b> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay                        | 4.172.800.345             | 5.338.360.424             |
| Chi phí thuê                           | 995.950.831               | 133.623.100               |
| Phí kiểm toán                          | 824.255.842               | 634.430.665               |
| Chi phí lương và các chi phí liên quan | 1.621.974.403             | 1.346.324.778             |
| Các chi phí khác                       | 3.014.600.885             | 424.168.710               |
|  | <hr/> 10.629.582.306      | <hr/> 7.876.907.677       |
|  | <hr/> <hr/>               | <hr/> <hr/>               |

**18. Nợ dài hạn khác**

|                          | <b>2008</b><br><b>VNĐ</b> | <b>2007</b><br><b>VNĐ</b> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu nhận trước     | 98.764.380.000            | -                         |
| Ký quỹ dài hạn nhận được | 12.335.453.066            | 6.853.744.660             |
| Phải trả dài hạn khác    | 28.052.944.126            | -                         |
|                          | <hr/> 139.152.777.192     | <hr/> 6.853.744.660       |
|                          | <hr/> <hr/>               | <hr/> <hr/>               |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**19. Vay dài hạn**

|                                      |     | <b>2008</b>      | <b>2007</b>     |
|--------------------------------------|-----|------------------|-----------------|
|                                      |     | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>      |
| Vay dài hạn từ                       |     |                  |                 |
| Ngân hàng Ngoại thương               | (a) | 2.585.000.000    | 57.500.000      |
| Ngân hàng Ngoại thương               | (b) | 2.811.663.200    | 613.800.000     |
| Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1  | (c) | 8.316.000.000    | 10.092.000.000  |
| Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1  | (d) | 43.474.440.879   | -               |
| Ngân hàng Phương Đông                | (e) | 38.000.000.000   | -               |
| Ngân hàng Phương Đông                | (f) | 154.000.000.000  | -               |
| Ngân hàng HSBC                       | (g) | 25.000.000.000   | -               |
| Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín         | (h) | 84.992.081.000   | -               |
| Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. | (i) | 12.800.000.000   | -               |
| Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. | (k) | 800.000.000      | -               |
|                                      |     | <hr/>            | <hr/>           |
|                                      |     | 372.779.185.079  | 10.763.300.000  |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng         |     | (34.427.849.200) | (1.776.000.000) |
|                                      |     | <hr/>            | <hr/>           |
| Hoàn trả sau 12 tháng                |     | 338.351.335.879  | 8.987.300.000   |
|                                      |     | <hr/>            | <hr/>           |

- a. Khoản vay được đảm bảo bởi bất động sản đầu tư hình thành từ vốn vay với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 5.195 triệu VNĐ (2007: 295 triệu VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất 13,2% (2007: 11,76%) một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 11 quý đều nhau với 235 triệu VNĐ mỗi quý, bắt đầu từ ngày 28 tháng 2 năm 2009.
- b. Khoản vay được đảm bảo bởi giá trị xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ vốn vay với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 4.366 triệu VNĐ (2007: 314 triệu VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất 13,2% (2007: 11,76%) một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 10 quý đều nhau với 255 triệu VNĐ mỗi quý và một quý 262 triệu VNĐ, bắt đầu từ ngày 28 tháng 2 năm 2009.
- c. Khoản vay được đảm bảo bởi bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 17.955 triệu VNĐ (2007: 20.483 triệu VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất 12,75% (2007: 14,4%) một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 56 quý đều nhau với 148 triệu VNĐ mỗi quý và một quý 28 triệu VNĐ, bắt đầu từ ngày 27 tháng 1 năm 2009.
- d. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản cố định vô hình (quyền sử dụng đất tại số 66B, 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), trả trước mua bất động sản và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tương ứng là 46.699 triệu VNĐ, 57.307 triệu VNĐ và 1.838 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 12,75% một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 86 tháng đều nhau với 500 triệu VNĐ mỗi tháng và đợt trả sau cùng là 474 triệu VNĐ, bắt đầu từ ngày 27 tháng 1 năm 2009.
- e. Khoản vay không được đảm bảo và chịu lãi suất 18% một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 19 năm đều nhau với 2.000 triệu VNĐ mỗi năm, bắt đầu từ ngày 29 tháng 1 năm 2009.
- f. Khoản vay được đảm bảo bởi khoản đầu tư vào các công ty liên kết với nguyên giá là 16.799 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 12,75% một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được hoàn trả trước ngày 31 tháng 1 năm 2010.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

- g. Khoản vay không được đảm bảo và chịu lãi suất 11.34% một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 2 năm đều nhau với 12.500 triệu VNĐ mỗi năm, bắt đầu từ ngày 11 tháng 1 năm 2009.
- h. Khoản vay được đảm bảo bởi giá trị xây dựng cơ bản dở dang và trả trước mua bất động sản với giá trị ghi sổ tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 128.633 triệu VNĐ và 5.500 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 15% một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ hoàn trả trong 91 tháng đều nhau với 926 triệu VNĐ mỗi tháng và đợt trả sau cùng là 656 triệu VNĐ, bắt đầu từ ngày 3 tháng 2 năm 2009.
- i. Khoản vay được bảo lãnh của Sumitomo Corporation và chịu lãi suất tương đương với chi phí vốn cộng 0,75% một năm. Khoản vay được hoàn trả trong 21 quý đều nhau, bắt đầu từ ngày 9 tháng 9 năm 2010.
- k. Khoản vay được bảo lãnh của Sumitomo Corporation và chịu lãi suất tương đương với chi phí vốn cộng 0,75% một năm. Khoản vay được hoàn trả trong 21 quý đều nhau, bắt đầu từ ngày 8 tháng 12 năm 2010.

## 20. Lợi ích cổ đông thiểu số

|   | 2008<br>VNĐ     | 2007<br>VNĐ     |
|---|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm   | 45.650.892.992  | 20.379.802.256  |
| Lãi thuần thuộc các cổ đông thiểu số trong năm            | 15.339.311.289  | 7.998.298.316   |
| Góp vốn trong năm   | 26.720.880.000  | 18.954.000.000  |
| Cổ tức  | (7.986.948.355) | (1.516.140.520) |
| Sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi do cổ đông thiểu số chịu | (257.709.301)   | (165.067.060)   |
| Số dư cuối năm  | 79.466.426.625  | 45.650.892.992  |

## 21. Vốn cổ phần

|                                       | 2008                 |                 | 2007                 |                 |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                       | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá trị<br>VNĐ  | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá trị<br>VNĐ  |
| Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành | 20.361.040           | 203.610.400.000 | 14.873.410           | 148.734.100.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành       | 20.361.040           | 203.610.400.000 | 14.873.410           | 148.734.100.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ                     | (221.061)            | (3.544.746.277) | (197.240)            | (2.801.612.500) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành      | 20.139.979           | 200.065.653.723 | 14.676.170           | 145.932.487.500 |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

|                                 | 2008                 |                        | 2007                 |                        |
|---------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|                                 | Số lượng<br>cổ phiếu | VNĐ                    | Số lượng<br>cổ phiếu | VNĐ                    |
| Số dư đầu năm                   | 14.676.170           | 145.932.487.500        | 12.676.170           | 125.932.487.500        |
| Cổ phiếu phát hành trong năm    | 5.487.630            | 54.876.300.000         | 2.000.000            | 20.000.000.000         |
| Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm | (23.821)             | (743.133.777)          | -                    | -                      |
| <b>Số dư cuối năm</b>           | <b>20.139.979</b>    | <b>200.065.653.723</b> | <b>14.676.170</b>    | <b>145.932.487.500</b> |

Trong tháng 5 năm 2008, Công ty đã phát hành 4.887.630 cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại và 600.000 cổ phiếu cho nhân viên với mệnh giá tương ứng là 20.000VNĐ và 30.000 VNĐ/cổ phiếu. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá là 60.876.300.000 VNĐ được ghi vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần, thuộc vốn chủ sở hữu.

## 22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|  | 2008<br>VNĐ              | 2007<br>VNĐ              |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu                           |                          |                          |
| ▪ Bán hàng                               | 1.926.804.323.326        | 1.653.683.153.418        |
| ▪ Dịch vụ                                | 131.869.781.468          | 77.249.513.113           |
| ▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 24.646.578.003           | 19.102.909.608           |
| ▪ Bán bất động sản đầu tư                | 37.335.784.000           | -                        |
|  | <b>2.120.656.466.797</b> | <b>1.750.035.576.139</b> |
| Các khoản giảm trừ                       | (3.033.181.060)          | (5.333.825.766)          |
| <b>Doanh thu thuần</b>                   | <b>2.117.623.285.737</b> | <b>1.744.701.750.373</b> |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**23. Giá vốn hàng bán**

|  | <b>2008</b>       | <b>2007</b>       |
|--|-------------------|-------------------|
|  | <b>VNĐ</b>        | <b>VNĐ</b>        |
| Tổng giá vốn hàng bán                  |                   |                   |
| ▪ Hàng hóa đã bán                      | 1.826.338.329.622 | 1.546.326.347.789 |
| ▪ Dịch vụ cung cấp                     | 98.607.936.063    | 86.073.639.932    |
| ▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư | 3.548.914.146     | 2.999.495.871     |
| ▪ Thanh lý bất động sản đầu tư         | 14.707.156.896    | -                 |
| ▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | 1.924.541.167     | (88.175.405)      |
|  | <hr/>             | <hr/>             |
|  | 1.945.126.877.894 | 1.635.311.308.187 |
|  | <hr/> <hr/>       | <hr/> <hr/>       |

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                  | <b>2008</b>    | <b>2007</b>    |
|----------------------------------|----------------|----------------|
|                                  | <b>VNĐ</b>     | <b>VNĐ</b>     |
| Thu lãi tiền gửi từ ngân hàng    | 4.976.197.668  | 848.468.872    |
| Thu từ thanh lý các khoản đầu tư | 11.952.379.601 | 2.098.515.211  |
| Lãi từ kinh doanh chứng khoán    | 10.044.079.470 | 59.374.058.703 |
| Cổ tức                           | 49.987.779.729 | 30.640.004.981 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá            | 526.732.748    | 237.875.964    |
| Doanh thu khác                   | 392.782        | -              |
|                                  | <hr/>          | <hr/>          |
|                                  | 77.487.561.998 | 93.198.923.731 |
|                                  | <hr/> <hr/>    | <hr/> <hr/>    |

**25. Chi phí hoạt động tài chính**

|  | <b>2008</b>     | <b>2007</b>    |
|--|-----------------|----------------|
|  | <b>VNĐ</b>      | <b>VNĐ</b>     |
| Chi phí lãi vay ngân hàng                    | 63.319.911.776  | 26.058.258.449 |
| Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn     | 16.621.492.448  | -              |
| Chi phí kinh doanh chứng khoán               | 185.280.359     | 1.089.939.820  |
| Chi phí đầu tư khác                          | 26.636.460      | -              |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                         | 1.234.769.205   | 224.751.481    |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn | 121.103.928.587 | 1.842.894.323  |
| Chi phí khác                                 | 9.798.261       | 86.855.318     |
|  | <hr/>           | <hr/>          |
|  | 202.501.817.096 | 29.302.699.391 |
|  | <hr/> <hr/>     | <hr/> <hr/>    |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**26. Thu nhập khác**

|  | <b>2008</b>     | <b>2007</b>    |
|--|-----------------|----------------|
|  | <b>VNĐ</b>      | <b>VNĐ</b>     |
| Thu từ thanh lý tài sản                                | 3.024.486.813   | 3.076.474.273  |
| Thu hoa hồng từ các đơn vị khác                        | 164.391.681     | 4.398.781.194  |
| Nhận bồi thường từ các đơn vị khác                     | 5.942.240.239   | 250.927.063    |
| Giảm khoản phải trả từ nhà cung cấp                    | 1.063.766.877   | -              |
| Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết | 6.715.939.197   | -              |
| Thu nhập khác  | 103.007.295.927 | 9.665.151.385  |
|  | <hr/>           | <hr/>          |
|  | 120.415.490.010 | 17.391.333.915 |
|  | <hr/> <hr/>     | <hr/> <hr/>    |

Trong thu nhập khác có khoản 100.759.620.000 VNĐ liên quan đến lãi do tài sản đem góp vốn vào Savico – Vinaland, một công ty liên kết. Tổng số lãi trên tài sản đem góp vốn là 199.524.000.000 VNĐ, trong đó 98.764.380.000 VNĐ, tương ứng với phần tỉ lệ góp vốn của Tập đoàn trong Savico – Vinaland được ghi vào thu nhập hoãn lại.

**27. Chi phí khác**

|                                      | <b>2008</b>   | <b>2007</b>   |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
|                                      | <b>VNĐ</b>    | <b>VNĐ</b>    |
| Giá trị còn lại của tài sản thanh lý | 1.745.403.969 | 2.998.385.052 |
| Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ   | 3.398.608.732 | -             |
| Các chi phí khác                     | 703.976.572   | 256.858.874   |
|                                      | <hr/>         | <hr/>         |
|                                      | 5.847.989.273 | 3.255.243.926 |
|                                      | <hr/> <hr/>   | <hr/> <hr/>   |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

|  | <b>2008</b>                | <b>2007</b>                 |
|--|----------------------------|-----------------------------|
|  | <b>VNĐ</b>                 | <b>VNĐ</b>                  |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>            |                            |                             |
| Dự phòng   | 13.125.435.845             | 46.399.725                  |
| Dự phòng nợ khó đòi                              | 22.050.524                 | -                           |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 42.000.000                 | -                           |
| Chi phí trích trước                              | 29.352.525                 | -                           |
| Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận | -                          | 1.859.601.996               |
|  | <hr/> 13.218.838.894       | <hr/> 1.906.001.721         |
| <b>Nợ thuế thu nhập hoãn lại</b>                 |                            |                             |
| Giá trị thuế thu nhập được ghi nhận              | -                          | (1.978.494.501)             |
| Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời                | -                          | (1.278.503.157)             |
|  | <hr/> -                    | <hr/> (3.256.997.658)       |
|  | <hr/> <hr/> 13.218.838.894 | <hr/> <hr/> (1.350.995.937) |

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|   | <b>2008</b>         | <b>2007</b>          |
|---|---------------------|----------------------|
|   | <b>VNĐ</b>          | <b>VNĐ</b>           |
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b>           |                     |                      |
| Năm hiện hành                           | 21.143.222.547      | 9.169.128.658        |
| <b>(Lợi ích)/chi phí thuế hoãn lại</b>  |                     |                      |
| Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời | (16.452.728.916)    | 979.136.201          |
| Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại            | 1.882.894.085       | -                    |
|   | <hr/> 6.573.387.716 | <hr/> 10.148.264.859 |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|  | <b>2008</b>      | <b>2007</b>     |
|--|------------------|-----------------|
|  | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>      |
| Lợi nhuận trước thuế   | 61.865.863.816   | 83.968.150.512  |
| Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty                | 17.322.441.868   | 23.511.082.138  |
| Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế                       | 1.730.171.654    | 300.684.646     |
| Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế                          | (12.251.965.093) | (4.915.509.226) |
| Ảnh hưởng của ưu đãi thuế  | (4.451.130.061)  | (8.354.899.544) |
| Ảnh hưởng của việc miễn giảm thuế các công ty con                    | (727.187.384)    | (393.093.155)   |
| Ảnh hưởng của thu nhập chịu thuế suất cao                            | 799.485.914      | -               |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận ở các công ty con | 2.436.715.305    | -               |
| Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại   | 1.882.894.085    | -               |
| Lỗi tính thuế được sử dụng   | (168.038.572)    | -               |
| Chi phí thuế thu nhập  | 6.573.387.716    | 10.148.264.859  |

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên số lỗi tính thuế của họ vì không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để các công ty con sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng, chịu mức thuế suất 25%. Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2011).

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC, Công ty được giảm 30% nợ thuế thu nhập trong quý tư năm 2008 và cả năm 2009.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con giảm xuống 25% do thay đổi luật thuế thu nhập doanh nghiệp.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

|   | <b>2008</b>    | <b>2007</b>    |
|---|----------------|----------------|
|   | <b>VNĐ</b>     | <b>VNĐ</b>     |
| Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty | 39.953.164.811 | 65.821.587.337 |

**(i) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông**

|  | <b>2008</b>              | <b>2007</b>              |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | <b>Số lượng cổ phiếu</b> | <b>Số lượng cổ phiếu</b> |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm  | 14.676.170               | 12.676.170               |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2007  | -                        | 1.166.667                |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 5 năm 2008  | (1.133)                  | -                        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2008  | 3.201.118                | -                        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2008  | (1.119)                  | -                        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2008  | (452)                    | -                        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 9 năm 2008  | (853)                    | -                        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 10 năm 2008   | (1.553)                  | -                        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 11 năm 2008   | (463)                    | -                        |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 | 17.871.715               | 13.842.837               |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**30. Cổ tức**

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 10 tháng 5 năm 2008 đã quyết định chia cổ tức là 11.740 triệu VNĐ (8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 26 tháng 5 năm 2008, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Hội đồng quản trị họp ngày 27 tháng 11 năm 2008 quyết định chia cổ tức là 10.070 triệu VNĐ ( 5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 15 tháng 12 năm 2008, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Xác định các bên liên quan**

Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Tổng Công ty Bến Thành, là một cổ đông chính của Công ty. Công ty cũng có quyền kiểm soát đối với các công ty con.

| <b>Các công ty con</b>  | <b>Hoạt động chính</b>   | <b>Giấy phép đầu tư số</b>   | <b>% sở hữu</b> |
|---|--|--|-----------------|
| Công ty TNHH Đông Đô Thành  | Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì và vận chuyển bằng ô tô, phụ tùng hàng hải, thiết bị gia dụng, phân bón, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất; xây dựng, cho thuê ô tô, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì động cơ. | Giấy phép Đầu tư số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và ngày 22 tháng 10 năm 2003.  | 55%             |
| Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô   | Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì.   | Giấy phép Đầu tư số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, được điều chỉnh vào ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.  | 52,05%          |
| Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng                                | Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì.   | Giấy phép Đầu tư số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.   | 51%             |
| Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico (SAVICO - R Co., Ltd) | Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.  | Giấy phép Đầu tư số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và được điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006, và ngày 12 tháng 10 năm 2007. | 99%             |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô                        | Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, động cơ điện, phụ tùng xe máy, thiết bị điện dân dụng, vật tư xây dựng, vật liệu trang trí nội thất; cho thuê xe ô tô, sửa chữa và bảo trì xe máy và bưu chính.   | Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.  | 93,33 %         |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao                                    | Kinh doanh phương tiện vận chuyển, thiết bị điện, phụ tùng xe hơi, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, xe gắn máy, ô tô, cung cấp dịch vụ sửa chữa điện thoại di động, vận chuyển và dịch vụ giao nhận.                          | Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 9 năm 2007.  | 51%             |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

| <b>Các công ty con</b>        | <b>Hoạt động chính</b>   | <b>Giấy phép đầu tư số</b>  | <b>% sở hữu</b> |
|-------------------------------|--|---|-----------------|
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe. | Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007 | 70%             |
| Công ty TNHH Toyota Cần Thơ   | Cung cấp dịch vụ hậu mãi như bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng; nhập khẩu phụ kiện và phụ tùng; cung cấp thiết bị và tân trang. Cho thuê văn phòng, cao ốc và nhà kho.  | Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007                               | 51%             |

Công ty có mối quan hệ với các công ty liên kết, các giám đốc và nhân viên điều hành của Công ty.

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Tổng lương và thưởng cho các nhân sự chủ chốt như sau:

|                   | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|-------------------|---------------------------|---------------------------|
| Hội đồng quản trị | 1.655.309.224             | 1.939.695.719             |
| Cán bộ điều hành  | 731.580.512               | 552.155.976               |
| Ban Kiểm soát     | 72.000.000                | 129.973.000               |
|                   | <b>2.458.889.736</b>      | <b>2.621.824.695</b>      |

**Giao dịch với bên liên quan khác**

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| <b>Bên liên quan</b>                    | <b>Mối quan hệ</b> | <b>Tính chất giao dịch</b>        | <b>2008</b><br><b>VND</b> | <b>2007</b><br><b>VND</b> |
|---|--------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi | Công ty liên kết   | Tiền thuê thu từ công ty liên kết | 1.828.939.872             | 1.346.714.400             |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn            | Công ty liên kết   | Tiền thuê thu từ công ty liên kết | -                         | 444.703.691               |
|   |                    | Cổ tức từ công ty liên kết        | -                         | 792.055.673               |
| Công ty TNHH Siêu xe                    | Công ty liên kết   | Góp vốn                           | 2.400.000.000             | -                         |
| Công ty TNHH Savico – Vinaland          | Công ty liên kết   | Góp vốn                           | 164.043.000.000           | -                         |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

| <b>Bên liên quan</b>                                | <b>Mối quan hệ</b> | <b>Tính chất giao dịch</b>            | <b>2008<br/>VNĐ</b> | <b>2007<br/>VNĐ</b> |
|---|--------------------|---------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bến Thành Savico | Công ty liên kết   | Ký quỹ từ công ty liên kết            | 473.670.000         | -                   |
|   |                    | Tiền thuê thu từ công ty liên kết     | 389.171.500         | -                   |
|   |                    | Hoa hồng nhận từ công ty liên kết     | 487.533.000         | -                   |
|   |                    | Cổ tức nhận từ công ty liên kết       | 672.000.000         | 168.000.000         |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn                 | Công ty liên kết   | Góp vốn                               | -                   | 8.103.600.000       |
|   |                    | Cổ tức nhận từ công ty liên kết       | 7.159.696.800       | 1.496.070.000       |
|   |                    | Vay từ công ty liên kết               | 70.000.000.000      | -                   |
|   |                    | Lãi vay phải trả cho công ty liên kết | 3.065.108.426       | -                   |

### **32. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | <b>2008<br/>VNĐ</b>    | <b>2007<br/>VNĐ</b>   |
|--------------------|------------------------|-----------------------|
| Trong vòng một năm | 16.684.840.576         | 6.133.043.581         |
| Từ hai đến năm năm | 41.592.887.366         | 11.714.393.563        |
| Sau năm năm        | 69.299.673.021         | 10.112.300.882        |
|                    | <b>127.577.400.963</b> | <b>27.959.738.026</b> |

### **33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | <b>2008<br/>VNĐ</b> | <b>2007<br/>VNĐ</b> |
|--|---------------------|---------------------|
| Chi phí mua hàng hoá                     | 1.305.481.924.298   | 1.617.343.105.256   |
| Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng | 55.878.448.347      | 44.992.872.510      |
| Chi phí khấu hao và phân bổ              | 9.091.544.733       | 10.086.763.168      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                | 55.169.682.493      | 35.054.953.621      |
| Chi phí khác                             | 12.624.588.292      | 8.493.859.321       |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**  
**(tiếp theo)**

**34. Sự kiện sau ngày kết toán**

Tại ngày lập các báo cáo tài chính này, giá trị thị trường của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào các cổ phiếu có giao dịch phổ biến trên thị trường là 215.069 triệu VNĐ, giảm 31.944 triệu VNĐ so với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do giá cổ phiếu trên thị trường giảm. Giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 không điều chỉnh theo việc giảm này.

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

18 tháng 3 năm 2009